

TCVN 13530 : 2022

Xuất bản lần 1

VƯỜN THỰC VẬT QUỐC GIA – CÁC YÊU CẦU

National Botanical Garden - Requirements

HÀ NỘI - 2022

Lời nói đầu

TCVN 13530 : 2022 do Trường Đại học Lâm nghiệp biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Tổng cục tiêu chuẩn Đo lường chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Vườn thực vật quốc gia – Các yêu cầu

National Botanical Garden - Requirements

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp xác định đối với vườn thực vật quốc gia.

2 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

2.1

Loài đặc hữu (Endemic species)

Loài thực vật chỉ tồn tại, phát triển trong phạm vi phân bố hẹp và giới hạn trong một vùng lãnh thổ nhất định của Việt Nam mà không được ghi nhận là có ở nơi khác trên thế giới.

2.2

Thực vật thân gỗ (Woody plants)

Loại cây có thân hóa gỗ.

2.3

Vườn thực vật (Botanical garden)

Nơi sưu tập, gây trồng, chăm sóc và lưu giữ các loài thực vật sống phục vụ mục đích trưng bày, nghiên cứu khoa học, nhân giống và giáo dục môi trường.

2.4

Vườn thực vật quốc gia (National Botanical Garden)

Nơi sưu tập, gây trồng, chăm sóc và lưu trữ các loài thực vật sống và các mẫu vật thực vật của Việt Nam và một số loài thực vật trên thế giới phục vụ mục đích trưng bày, bảo tồn, nghiên cứu khoa học và giáo dục.

3 Các yêu cầu

Các yêu cầu kỹ thuật đối với vườn thực vật quốc gia được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 – Các yêu cầu đối với vườn thực vật quốc gia

Chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Vị trí và khoảng cách	- Vị trí: Gần với cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, có điều kiện giao thông thuận lợi, dễ tiếp cận; - Khoảng cách: cách các đô thị loại I trở lên không quá 50km.

Bảng 1 – (Kết thúc)

Chỉ tiêu	Yêu cầu
2. Diện tích	Tối thiểu 50 ha, liền khoảnh.
3. Tổng số loài thực vật	Tối thiểu 700 loài.
4. Số loài thực vật thân gỗ	Tối thiểu 500 loài.
5. Số lượng cá thể/loài	Tối thiểu từ 10 cá thể (trừ trường hợp đặc biệt khác nhưng phải ghi rõ lý do trong hồ sơ nguồn gốc).
6. Tổng số loài thực vật thân gỗ quý hiếm và/hoặc loài thực vật đặc hữu Việt Nam	Tối thiểu 30 loài.
7. Biện tên các loài thực vật	Tối thiểu phải có tên khoa học và tên thường gọi.
8. Hồ sơ nguồn gốc	- Có hồ sơ về nguồn gốc giống cây trồng theo quy định tại Phụ lục A; - Kỹ thuật trồng các loài cây trong vườn thực vật quốc gia tham khảo tại Phụ lục B.
9. Các phân khu trong vườn thực vật quốc gia	- Phân khu sưu tập thực vật (bắt buộc): được thiết kế theo các chủ đề, theo hệ thống sinh, theo bộ, họ hoặc theo nhóm công dụng. - Phân khu hành chính và dịch vụ (không bắt buộc): được thiết kế và bố trí theo điều kiện của vườn thực vật; - Phân khu nghiên cứu, giáo dục (không bắt buộc): phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, phòng tiêu bản thực vật, vườn ươm cây giống, phòng hội thảo, giáo dục và các phân khu chức năng khác. Các phân khu được liên kết bởi các trục giao thông chính, hệ thống đường để tiếp cận đến từng khu trồng.
10. Các hạng mục phụ trợ	- Không gian kiến trúc: yêu cầu đảm bảo nguyên tắc nâng cao chất lượng không gian của các khu vực trọng tâm, khai thác thế mạnh của địa hình và cảnh quan tự nhiên ; - Hạ tầng cơ sở, hệ thống thoát nước, hệ thống băng, biển chỉ dẫn, trang thiết bị, vv... được quản lý đồng bộ, thẩm mỹ và khoa học.
11. Quản lý, bảo vệ và chăm sóc	- Có quy trình/hướng dẫn, kế hoạch quản lý, bảo vệ và chăm sóc phù hợp với từng loài được phê duyệt; - Cơ sở dữ liệu các loài thực vật được thu thập, xây dựng và quản lý khoa học.

4 Phương pháp xác định

Phương pháp xác định các yêu cầu kỹ thuật của vườn thực vật quốc gia được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2 - Phương pháp xác định các chỉ tiêu kỹ thuật

Chỉ tiêu	Phương pháp xác định
1. Vị trí và khoảng cách	Kiểm tra hồ sơ thiết kế so sánh với địa điểm thực tế tại hiện trường
2. Diện tích	Kiểm tra hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đo trực tiếp tại hiện trường. Dùng thiết bị chuyên dụng để xác định diện tích ngoài thực địa
3. Tổng số loài thực vật	Kiểm tra hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đếm số loài trực tiếp tại hiện trường.
4. Số loài thực vật thân gỗ	Kiểm tra hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đếm, xác định trực tiếp tại hiện trường.
5. Số lượng cá thể/loài	Kiểm tra hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Chọn ngẫu nhiên ít nhất 10% trong tổng số loài có trong vườn, đếm, xác định trực tiếp số cá thể/loài tại hiện trường.
6. Tổng số loài thực vật thân gỗ quý hiếm và/hoặc loài thực vật đặc hữu Việt Nam	Kiểm tra hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đếm, xác định trực tiếp tại hiện trường.
7. Biện tên các loài thực vật	Kiểm tra trực tiếp ngoài hiện trường, so sánh với tài liệu, thông tin về loài
8. Hồ sơ nguồn gốc	Kiểm tra trực tiếp hồ sơ lưu giữ, đối chiếu với hiện trạng thực tế của vườn thực vật.
9. Các phân khu trong vườn thực vật quốc gia	Kiểm tra hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Xác định trực tiếp tại vườn thực vật
10. Các hạng mục phụ trợ	Kiểm tra hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Xác định trực tiếp tại hiện trường
11. Quản lý, bảo vệ và chăm sóc	Kiểm tra hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Hồ sơ cập nhật dữ liệu về các loài thực vật trong vườn thực vật.

- [1]. Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;
 - [2]. Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
 - [3]. Nghị Quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Phân loại đô thị;
 - [4]. Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
 - [5]. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 1 năm 2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
 - [6]. Quyết định 1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
 - [7]. Thông tư Liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/06/2016 Quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu;
 - [8]. Trường Đại học Lâm nghiệp, 2019 “Báo cáo đề xuất phương án đầu tư dự án xây dựng vườn thực vật quốc gia”.
-

Phụ lục A

(Quy định)

Hồ sơ nguồn gốc giống**A.1 Nguồn gốc, xuất xứ giống (kèm theo lý lịch nguồn giống)**

Số hiệu (Number):

Tên Việt Nam (Vietnamese name):

Tên địa phương (Local name):

Tên khoa học (Scientific name):

Họ (Family):

Địa điểm (Location):

Toạ độ địa lý (GPS):

Trạng thái/ sinh thái nơi sống (Habitat):

Đặc điểm thực vật học chủ yếu:

Nguồn gốc, xuất xứ giống (nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thử nghiệm, quà tặng, Hội chợ, Triển lãm, Hợp tác quốc tế; cây cảnh, cây bóng mát, mục đích khác ...):

.....

A.2 Các thông tin khác

Ngày trồng (Date):

Người trồng (Collector):

Người định tên: Ngày xác định:

(Determined by) (Date determined)

Kỹ thuật trồng đối với các loài thực vật sưu tập cho vườn thực vật

B. 1 Kỹ thuật trồng

B 1.1. Kỹ thuật trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng các nhóm loài cây gỗ

B 1.1.1 Nhóm 1: Cây gỗ lớn

a. Tiêu chuẩn cây con

- Trồng cây con có bầu từ 01 năm tuổi.
- Chiều cao 1,0-2,0 m tùy loài cụ thể, đường kính gốc 0,5-1,0 cm hoặc 1,0-1,5cm tùy theo loài cụ thể, cây sinh trưởng tốt, không bị sâu bệnh, không cụt ngọn.

b. Phương thức trồng và mật độ trồng

Nhóm gỗ lớn có thể trồng hỗn giao theo hàng với các loài cây khác nhau

c. Phương thức xử lý thực bì

- Nơi có độ dốc trên 20^0 mở băng theo đường đồng mức. Băng rộng 10-15m, băng chừa 10m. Không trồng ở nơi có độ dốc trên 35^0 . Trên băng trồng 3-5 hàng.
- Nơi độ dốc $<20^0$ trồng toàn diện, bố trí như trên.
- Phát dọn thực bì toàn diện trước khi trồng 2-3 tháng.

Với nhóm cây gỗ ưa bóng khi còn nhỏ như Trám, Lim xanh thì cần trồng cây che phủ đất. Sau khi xử lý thực bì cần tạo lớp cây che phủ đất để che bóng cho cây con mới trồng. Cây che phủ đất thích hợp nhất là:

- Tạo lớp thực bì phục hồi tự nhiên (cây gỗ, cây bụi) có chiều cao từ 0,5-0,7m trước lúc đưa cây gỗ mục đích vào trồng.
- Gieo 1 hàng cây Cốt khí hoặc cây Đậu tràm giữa hai hàng cây gỗ mục đích (Cốt khí gieo theo rạch, số hạt khoảng 10kg/1ha, Đậu tràm gieo theo hố cự ly 1m/hố).

d. Làm đất

- Đào hố trước khi trồng 25-30 ngày.
- Sau khi xử lý thực bì, đào hố 40x40x40cm nơi đất xốp hoặc đào hố hoặc đào hố 50x50x50cm, hoặc 60x60x40cm nơi đất chặt. Bón lót mỗi hố 200g NPK (5:10:3) và 1kg phân hữu cơ vi sinh, gạt lớp đất mặt xuống trộn đều với phân, sau đó lấp đất tiếp cho đầy hố. Đất trong hố phải tơi xốp, sạch cỏ và rễ cây. Bón phân, lấp hố hoàn thành trước khi trồng 7-10 ngày.

e. Thời vụ trồng

Có 2 vụ trồng: Vụ xuân và vụ thu. Vụ thu trồng vào tháng 8-9. Vụ xuân trồng vào tháng 3-4. Trồng sau